

Số: 46 /BCBGĐ

Hà Đông, ngày 1 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO**

**Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023  
và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2024  
(Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)**

*Kính thưa:* - Đại biểu khách quý;  
- Đoàn chủ tịch; Đoàn thư ký;  
- Thưa toàn thể cổ đông về dự Đại hội.

Hôm nay, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông, thay mặt Ban giám đốc Công ty, tôi xin báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

**PHẦN THỨ NHẤT**

**TỔNG KẾT SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Ban giám đốc đã tập trung điều hành sản xuất kinh doanh.

Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

**1. Một số chỉ tiêu thực hiện trong năm 2023 của công ty mẹ.**

**Bảng 1.1 So sánh với kế hoạch năm 2023**

| TT | Nội dung                                   | Đơn vị tính | Kế hoạch thực hiện năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | So với kế hoạch năm 2023 |
|----|--------------------------------------------|-------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------|
|    | <b>Khối lượng sản phẩm dịch vụ chủ yếu</b> |             |                             |                    |                          |
| 1  | Duy trì vệ sinh đường phố, ngõ xóm         | km          | 179.592,31                  | 172.256,61         | 95,9%                    |
| 2  | Quét thu gom rác hè                        | ha          | 21.753,68                   | 21.657,37          | 99,6%                    |
| 3  | Vận chuyển rác thải                        | Tấn         | 111.521,92                  | 110.070,07         | 98,7%                    |
| 4  | Tưới nước rửa đường                        | km          | 6.122,57                    | 6.058,82           | 99,0%                    |
| 5  | Quản lý vận hành điện chiếu sáng           | Trạm        | 68.408,22                   | 67.930,66          | 99,3%                    |

**Bảng 1.2 So sánh với thực hiện năm 2022**

| TT | Nội dung                                   | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2023 | Thực hiện năm 2022 | So với thực hiện năm 2023 |
|----|--------------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|---------------------------|
|    | <b>Khối lượng sản phẩm dịch vụ chủ yếu</b> |             |                    |                    |                           |
| 1  | Duy trì vệ sinh đường phố, ngõ xóm         | Km          | 172.256,61         | 175.806,17         | 98,0%                     |
| 2  | Quét thu gom rác hè                        | ha          | 21.657,37          | 22.084,98          | 98,1%                     |
| 3  | Vận chuyển rác thải                        | Tấn         | 110.070,07         | 105.792,19         | 104,0%                    |
| 4  | Tưới nước rửa đường                        | km          | 6.058,82           | 5.622,32           | 107,8%                    |
| 5  | Quản lý vận hành điện chiếu sáng           | Trạm        | 67.930,66          | 68.348,68          | 99,4%                     |

- **Cơ cấu doanh thu và chi phí**

**Bảng số 1: Doanh thu năm 2023 của Công ty**

| STT      | Chỉ tiêu                                         | Năm 2023<br>(đồng)     | Năm 2022<br>(đồng)     | % tăng<br>(giảm) so<br>với năm<br>2022 |
|----------|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>                | <b>155.748.521.788</b> | <b>128.831.968.078</b> | <b>20,9%</b>                           |
| -        | Doanh thu từ hoạt động công ích UBND Q. Hà Đông  | 86.896.379.376         | 87.673.492.135         | -0,9%                                  |
| -        | Doanh thu từ hoạt động công ích tại TP. Hội An   | 25.830.860.000         | 18.200.489.222         | 41,9%                                  |
| -        | Doanh thu từ hoạt động công ích tại TP Vĩnh Long | 20.598.605.500         |                        | 100%                                   |
| -        | Doanh thu từ hoạt động công ích khác             | 7.182.327.000          | 9.043.367.263          | -20,6%                                 |
| -        | Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư         | 2.316.311.250          | 2.526.885.000          | -8,3%                                  |
| -        | Doanh thu khác                                   | 12.924.038.662         | 11.387.734.458         | 13,5%                                  |
| <b>2</b> | <b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>             | <b>1.973.102.450</b>   | <b>1.492.811.593</b>   | <b>32,2%</b>                           |
| -        | Lãi tiền gửi NH, tiền cho vay                    | 1.799.843.479          | 1.317.497.074          | 36,6%                                  |
| -        | Lợi nhuận được chia từ cho                       | 173.258.971            | 175.314.519            | -1,2%                                  |

332500  
NG TY  
PHẦN  
TRƯỜNG  
Ô THỊ  
ĐÔNG  
VG - TP. H

|  |                       |                        |                        |            |
|--|-----------------------|------------------------|------------------------|------------|
|  | thuê VP tại Hud3      |                        |                        |            |
|  | <b>Tổng doanh thu</b> | <b>157.721.624.238</b> | <b>130.324.779.671</b> | <b>21%</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Môi trường đô thị Hà Đông)

**Bảng số 2: Chi phí và lợi nhuận**

| TT | Chỉ tiêu                                 | Năm 2023<br>(đồng)     | Năm 2022<br>(đồng)     | % tăng<br>(giảm) so<br>với 2022 |
|----|------------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1  | Giá vốn hàng bán                         | 136.939.432.822        | 110.225.991.574        | 24,2%                           |
| 2  | Chi phí tài chính                        |                        | 58.531.833             | -100%                           |
| -  | Chi phí lãi vay                          |                        | 58.531.833             | -100%                           |
| 3  | Chi phí bán hàng                         |                        |                        |                                 |
| 4  | Chi phí QLDN                             | 6.675.135.349          | 5.905.883.149          | 13%                             |
| 5  | Chi phí khác                             | 691.023.706            | 757.149.356            | -8,7%                           |
|    | <b>Tổng chi phí</b>                      | <b>144.305.591.877</b> | <b>116.947.555.912</b> | <b>23,3%</b>                    |
|    | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> | <b>13.416.036.927</b>  | <b>13.377.232.425</b>  | <b>0,3%</b>                     |
|    |                                          |                        |                        |                                 |
|    | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>           | <b>10.322.101.317</b>  | <b>10.587.290.351</b>  | <b>-2,5%</b>                    |
|    | <b>Lao động bình quân</b>                | <b>473</b>             | <b>425</b>             | <b>11,3%</b>                    |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Môi trường đô thị Hà Đông)

**Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

**Bảng số 3: Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm 2023**

| STT | Chỉ tiêu                 | Kế hoạch năm<br>2023 | Thực hiện<br>năm 2023 | Tỷ lệ %<br>hoàn thành |
|-----|--------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1   | Tổng doanh thu (tỷ đồng) | 100                  | 155                   | 155%                  |
| 2   | Cổ tức dự kiến           | 10%                  | 10%                   | 100%                  |

Nhận xét về tình hình doanh thu và chi phí năm 2023:

- Tổng doanh thu năm 2023 tăng 21% so với năm 2022 và tăng 55% so với kế hoạch đã được thông qua tại Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đề ra.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến doanh thu năm 2023 tăng là do một số hạng mục doanh thu duy trì VSMT thực hiện tăng so với năm 2022 và năm 2023 công ty tiếp tục

trúng thầu gói duy trì cây xanh, chiếu sáng công cộng, thoát nước tại thành phố Hội An doanh thu gói thầu này tăng 42% và năm 2023 Công ty liên danh với công ty HTC thực hiện gói thầu duy trì cây xanh tại thành phố Vĩnh Long doanh thu gói thầu này là 20.598.605.500 đ.

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 32,2 % so với năm 2022.

- Năm 2023 tổng chi phí tăng 23,3% so với năm 2022 nguyên nhân chủ yếu do giá vốn hàng bán tăng 24,2% nguyên nhân chủ yếu do giá nhiên liệu tăng và Công ty điều chỉnh tăng lương và bảo hiểm cho người lao động. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

- Lợi nhuận sau thuế giảm 265.189.034 đồng tương đương giảm 2,5%.

Doanh thu tăng 21% nhưng chi phí tăng 23,3% dẫn đến lợi nhuận năm 2023 giảm 2,5% so với năm 2022 nhưng Công ty vẫn đảm bảo lợi nhuận để chia cổ tức dự kiến 10%/năm theo đúng kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông 2023 thông qua.

## 2. Một số chỉ tiêu của chi nhánh Hội An năm 2023.

| STT                   | Chỉ tiêu                                         | Năm 2023<br>(đồng)    | Năm 2022<br>(đồng)    | % tăng<br>(giảm) so<br>với năm<br>2022 |
|-----------------------|--------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------------|
| 1                     | <b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>                | <b>43.008.995.899</b> | <b>10.587.561.060</b> | <b>306,2%</b>                          |
| -                     | Doanh thu từ hoạt động công ích tại TP. Hội An   | 23.272.814.000        | 9.546.746.567         | 143,7%                                 |
| -                     | Doanh thu từ hoạt động công ích tại TP Vĩnh Long | 18.538.803.608        |                       | 100%                                   |
| -                     | Doanh thu từ hoạt động công ích khác             | 1.197.378.291         | 1.040.814.493         | 15%                                    |
| -                     | Doanh thu khác                                   |                       |                       |                                        |
| 2                     | <b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>             | <b>2.634.116</b>      | <b>936.192</b>        | <b>181,4%</b>                          |
| -                     | Lãi tiền gửi NH                                  | 2.634.116             | 936.192               | 181,4%                                 |
| <b>Tổng doanh thu</b> |                                                  | <b>43.011.630.015</b> | <b>10.588.497.252</b> | <b>306,2%</b>                          |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Chi nhánh Hội An)

**Bảng số 2: Chi phí và lợi nhuận**

| TT                                       | Chỉ tiêu               | Năm 2023<br>(đồng)    | Năm 2022<br>(đồng)     | % tăng<br>(giảm) so<br>với 2022 |
|------------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1                                        | Giá vốn hàng bán       | 39.215.759.238        | 13.228.347.075         | 196,5%                          |
| 2                                        | Chi phí tài chính      |                       |                        |                                 |
| -                                        | <i>Chi phí lãi vay</i> |                       |                        |                                 |
| 3                                        | Chi phí bán hàng       |                       |                        |                                 |
| 4                                        | Chi phí QLDN           | 2.358.973.512         | 891.904.232            | 164,5%                          |
| 5                                        | Chi phí khác           | 5.520.478             | 3.500.004              | 57,7%                           |
| <b>Tổng chi phí</b>                      |                        | <b>41.580.253.228</b> | <b>14.123.751.311</b>  | <b>194,4%</b>                   |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> |                        | <b>1.431.376.787</b>  | <b>(3.535.254.059)</b> | <b>140,5%</b>                   |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>           |                        | <b>1.431.376.787</b>  | <b>(3.535.254.059)</b> | <b>140,5%</b>                   |
| <b>Lao động bình quân</b>                |                        | <b>293</b>            | <b>194</b>             | <b>51%</b>                      |

**3. Một số chỉ tiêu của Công ty cổ phần gạch không nung Điện Bàn.**

| STT | Chỉ tiêu                          | Năm 2023<br>(đồng)   | Năm 2022<br>(đồng)     | % tăng<br>(giảm) so<br>với năm<br>2022 |
|-----|-----------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------------------------|
| 1   | <b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b> | <b>463.561.111</b>   |                        | <b>100%</b>                            |
| 2   | <b>Chi phí</b>                    |                      |                        |                                        |
| 2.1 | Giá vốn hàng bán                  | 434.556.941          | 412.814.563            | 5,3%                                   |
| 2.2 | Chi phí tài chính                 | <b>22.097.260</b>    | <b>1.278.936.028</b>   | -98,3%                                 |
|     | <i>Chi phí lãi vay</i>            | <i>22.097.260</i>    | <i>1.278.936.028</i>   | -98,3%                                 |
| 2.3 | Chi phí bán hàng                  |                      |                        |                                        |
| 2.4 | Chi phí QLDN                      | 266.090.843          | 339.668.059            | -21,7%                                 |
| 2.5 | Chi phí khác                      | 461.259              | 654.436.823            | -99,9%                                 |
| 3.  | <b>Lợi nhuận</b>                  | <b>(259.617.807)</b> | <b>(2.685.809.216)</b> | <b>90,3%</b>                           |

#### 4. Báo cáo hợp nhất của Công ty.

**Bảng số 2: Doanh thu năm của Công ty**

| STT                   | Chỉ tiêu                                    | Năm 2023<br>(đồng)     | Năm 2022<br>(đồng)     | % tăng<br>(giảm) so<br>với năm<br>2022 |
|-----------------------|---------------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------------------|
| 1                     | Doanh thu cung cấp dịch vụ                  | 156.298.739.927        | 128.518.051.742        | 21,6%                                  |
| 2                     | Doanh thu hoạt động tài chính               | 1.953.666.691          | 1.493.747.785          | 30,8%                                  |
| -                     | Lãi tiền gửi NH                             | 1.780.407.720          | 1.318.433.266          | 35%                                    |
| -                     | Lợi nhuận được chia từ cho thuê VP tại Hud3 | 173.258.971            | 175.314.519            | -1,2%                                  |
| <b>Tổng doanh thu</b> |                                             | <b>158.252.406.618</b> | <b>130.011.799.527</b> | <b>21,7%</b>                           |

**Bảng số 2: Chi phí và lợi nhuận**

| TT                                       | Chỉ tiêu          | Năm 2023<br>(đồng)     | Năm 2022<br>(đồng)     | % tăng<br>(giảm) so<br>với 2022 |
|------------------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1                                        | Giá vốn hàng bán  | 133.667.410.130        | 112.552.861.253        | 18,8%                           |
| 2                                        | Chi phí tài chính |                        | 58.531.833             | -100%                           |
| -                                        | Chi phí lãi vay   |                        | 58.531.833             | -100%                           |
| 3                                        | Chi phí bán hàng  |                        | 0                      |                                 |
| 4                                        | Chi phí QLDN      | 10.080.240.716         | 6.797.787.381          | 48,3%                           |
| 5                                        | Chi phí khác      | 697.005.443            | 760.649.360            | -8,4%                           |
| <b>Tổng chi phí</b>                      |                   | <b>144.444.656.289</b> | <b>120.169.829.827</b> | <b>20,2%</b>                    |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> |                   | <b>13.807.754.895</b>  | <b>9.841.978.366</b>   | <b>40,29%</b>                   |
|                                          |                   |                        |                        |                                 |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>           |                   | <b>10.781.319.915</b>  | <b>7.052.036.292</b>   | <b>52,9%</b>                    |
| <b>Lao động bình quân</b>                |                   | <b>473</b>             | <b>425</b>             | <b>11,3%</b>                    |

Năm 2023 ngoài các gói thầu duy trì vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng, cây xanh trên địa bàn quận Hà Đông Công ty cũng trúng thầu gói thầu duy trì cây xanh,

điện chiếu sáng tại thành phố Hội An và gói thầu duy trì cây xanh tại thành phố Hội An:

Doanh thu năm 2023 Công ty mẹ trực tiếp thực hiện là: 109.319.056.288 đồng

Doanh thu gói thầu duy trì cây xanh, điện chiếu sáng thành phố Hội An và duy trì cây xanh thành phố Vĩnh Long (chưa trừ 10% theo ghi quyết HĐQT) giao cho chi nhánh Hội An thực hiện là: 46.429.465.500 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của riêng Công ty mẹ đạt: 10.322.101.317 đồng.

Lợi nhuận của chi nhánh Hội An đạt: 1.431.376.787 đồng.

Lợi nhuận báo cáo tổng hợp của Công ty đạt: 11.753.478.104 đồng.

Lợi nhuận hợp nhất báo cáo tài chính: 10.781.319.915 đồng nguyên nhân giảm do phân bổ lợi thế thương mại 780.041.012 đồng vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo hợp nhất và phân bổ lỗ 192.117.177 đồng (74% theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ) của Công ty cổ phần nhà máy gạch không nung Điện Bàn. Hội đồng quản trị đã có nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 29/11/2023 thống nhất bán lại toàn bộ cổ phần của Công ty cổ phần gạch không nung điện bàn mà Công ty đang nắm giữ.

#### **5. Về giải pháp thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị Ban giám đốc đã thực hiện được một số công việc như sau:

- Ban giám đốc đã tập chung điều hành sản xuất kinh doanh giải quyết nhanh kịp thời các vướng mắc trong quá trình điều hành.
- Thực hiện thỏa thuận và ký kết các hợp đồng với các đơn vị để cung ứng các dịch vụ đảm bảo quyền lợi cho Công ty.
- Đảm bảo thu nhập cũng như các chế độ chính sách cho người lao động.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.
- Trong năm 2023 Công ty đã phát huy được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Năm 2023 Công ty đã tập trung và đấu thầu thành công gói thầu duy trì vệ sinh môi trường 2024 – 2026 đây là gói thầu lớn và quan trọng nhất của Công ty.
- Đối với các phòng ban chuyên môn đã thực hiện và hoàn thành tốt công tác tham mưu cũng như công tác của mình.

#### **6. Những khó khăn, tồn tại:**

Năm 2023 do các chi phí đầu vào tăng làm ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý vẫn chưa đạt được hiệu quả cao.



Năm 2023 Công ty nói riêng và các đơn vị cùng ngành nghề môi trường vẫn chưa được UBND thành phố điều chỉnh đơn giá dịch vụ môi trường mặc dù UBND thành phố Hà Nội đã có văn bản chỉ đạo các cơ quan chức năng của Thành phố.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ CHỈ TIÊU NĂM 2023:**

Mặc dù năm 2024 sẽ vẫn còn những khó khăn Công ty xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Tổng doanh thu: Đạt trên 100 tỷ;
2. Cổ tức phần đầu: Đạt 10%;
3. Đối với người lao động: Đảm bảo thu nhập cho người lao động.

#### **II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:**

1. Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

- Tổ chức tốt Hội nghị người lao động.

2. Phát huy những mặt tốt đã thực hiện được tập chung khắc phục những khó khăn tồn tại, tiếp tục tiết kiệm các khoản chi phí, nâng cao năng suất đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đẩy nhanh tiến độ giao khoán cho các bộ phận trực tiếp sản xuất.

3. Tiếp tục phát huy tiềm năng, nội lực sẵn có của Công ty.

Thực hiện tốt các gói thầu.

Tập chung lãnh đạo chỉ đạo, thực hiện đảm bảo thành công đầu thầu các gói thầu năm 2024 hết thời gian thực hiện.

Trên đây là bản báo cáo của Ban giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2024.

Cuối cùng thay mặt Ban giám đốc Công ty xin kính chúc các vị đại biểu khách và toàn thể cổ đông về dự đại hội đồng cổ đông hôm nay mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

#### **Nơi nhận:**

- Cổ đông MTH
- HĐQT;
- Lưu VT.



**Phạm Trung Thành**